

## KẾ HOẠCH

**Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước**

Thực hiện Kế hoạch 275-KH/TU ngày 23/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 33-NQ/TW). Ban Thường vụ Huyện ủy xây dựng Kế hoạch tổng kết như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1- Đánh giá toàn diện, sâu sắc công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW gắn với việc thực hiện những nghị quyết, chỉ thị, kết luận, văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, huyện về lĩnh vực văn hóa, con người, văn học, nghệ thuật; đồng thời đề ra nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực để tiếp tục thực hiện có hiệu quả trong giai đoạn mới.

2- Thông qua việc tổng kết Nghị quyết số 33-NQ/TW, tiếp tục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền, địa phương, đơn vị; tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân với việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, góp phần xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

3- Cung cấp cơ sở thực tiễn và lý luận để đề xuất các giải pháp trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong giai đoạn mới.

4- Việc tổng kết phải được tiến hành nghiêm túc nghiêm túc, thực chất, tiết kiệm, đúng tiến độ; đề ra các nhiệm vụ, giải pháp thiết thực, có trọng tâm, trọng điểm; lắng nghe, chất lọc, tiếp thu ý kiến của những người có chuyên môn trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật và của các tầng lớp Nhân dân trong việc đưa Nghị quyết vào cuộc sống.

## II. NỘI DUNG TỔNG KẾT

Kiểm điểm, đánh giá toàn diện kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW gắn với việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, văn bản chỉ đạo của Đảng về lĩnh vực văn hóa, con người, văn học, nghệ thuật. Trong đó, tập trung vào những nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả tổ chức quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 33-NQ/TW; việc đưa Nghị quyết vào thực tiễn cuộc sống.

2. Đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết số 33-NQ/TW gắn với việc thực hiện Kết luận số 76-KL/TW, ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW; Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIII; văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, của Tỉnh ủy Huyện ủy, HĐND, UBND huyện về văn hóa, văn học, nghệ thuật; ý kiến chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng (tháng 11/2021); Chương trình hành động số 25-CTr/HU ngày 8/9/2014 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Kế hoạch số 21-KH/HU, ngày 10/6/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/6/2020 của Bộ Chính trị (*kiểm điểm, đánh giá từng nội dung, có số liệu cụ thể*).

3. Chỉ rõ những hạn chế, yếu kém, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW.

4. Phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp.

5. Đề xuất, kiến nghị.

## III. HÌNH THỨC TỔNG KẾT

**1. Các chi, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy; các ban, phòng, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện:**

Đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, gửi báo cáo về Ban Thường vụ Huyện ủy (qua Ban Tuyên giáo Huyện ủy), **trước ngày 05/3/2024**. Khuyến khích các địa phương tổ chức tổng kết và có hình thức biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân thực hiện tốt Nghị quyết số 33-NQ/TW, Chương trình hành động số 25-CTr/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy.

**2. Ban Thường vụ Huyện ủy:** Tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW bằng hình thức phù hợp và báo cáo về Ban Thường vụ Tỉnh ủy **trước ngày 15/3/2024**.

## IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**1. Ban Tuyên giáo Huyện ủy:** Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu giúp Ban Thường vụ Huyện ủy tổng hợp, theo dõi, đôn đốc việc tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW tại các địa phương, đơn

vị; tổng hợp, xây dựng dự thảo Báo cáo tổng kết của Ban Thường vụ Huyện ủy và phối hợp đề xuất khen thưởng đối với tập thể và cá nhân tiêu biểu trong thực hiện Nghị quyết.

## 2. UBND huyện:

- Chỉ đạo Phòng Văn hóa & Thông tin, Trung tâm Văn hóa.- Truyền thanh huyện, Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện và các cơ quan liên quan phối hợp với Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Văn phòng Huyện ủy tham mưu giúp Ban Thường vụ xây dựng báo cáo đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Chương trình hành động số 25-CTr/HU.

3. Các chi, đảng bộ trực thuộc Huyện ủy; các ban, phòng, ngành, Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện: Căn cứ Kế hoạch này, tổ chức tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, Chương trình hành động số 25-CTr/HU của Ban Thường vụ Huyện ủy tại địa phương, đơn vị mình và gửi báo cáo tổng kết về Ban Tuyên giáo Huyện ủy đúng thời gian quy định.

Căn cứ Kế hoạch này, các địa phương, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện, đảm bảo chất lượng, hiệu quả./.

### Nơi nhận:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy (để b/c),
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,
- Ban Thường vụ Huyện ủy,
- Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND huyện,
- Các ban, phòng, ngành liên quan, MTTQ và các đoàn thể CT-XH huyện,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu VPHU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Nguyễn Chi Hội



## **ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước (Kèm theo Kế hoạch số 140 - KH/HU ngày 28/02/2024 của BTV Huyện ủy)**

-----

### **I. Bối cảnh thực hiện Nghị quyết**

### **II. Quá trình quán triệt, tuyên truyền; công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết Nghị quyết**

#### **1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết**

- Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW, gắn với thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, văn bản lãnh đạo, chỉ đạo về văn hóa, con người, văn học, nghệ thuật.

- Việc tổ chức nghiên cứu quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết (nội dung, hình thức quán triệt, tuyên truyền; số hội nghị, số người/lượt người tham gia; đánh giá tác động, sức lan tỏa của việc quán triệt, tuyên truyền và đưa Nghị quyết vào cuộc sống...).

#### **2. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết**

#### **3. Công tác sơ kết, tổng kết Nghị quyết**

### **III. Kiểm điểm việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Nghị quyết (Từng nội dung cần đánh giá, phân tích và có số liệu minh chứng cụ thể)**

#### **1. Kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu**

Kiểm điểm việc thực hiện 05 mục tiêu cụ thể trong Nghị quyết số 33-NQ/TW (chỉ rõ những nội dung đã hoàn thành, mức độ hoàn thành; những nội dung chưa/không hoàn thành; nguyên nhân chưa/không hoàn thành?).

#### **2. Kết quả thực hiện 06 nhiệm vụ nêu trong Nghị quyết**

##### **2.1. Về xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện**

- Đánh giá kết quả, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, đoàn thể trong việc xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; việc bồi dưỡng tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc, đạo đức, lối sống và nhân cách, gắn với việc định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phân tích, đánh giá kết quả các hoạt động văn hóa, giáo dục, khoa học (giáo dục đạo đức, nhân cách gắn với giáo dục tri thức) trong việc xây dựng con người hướng tới những giá trị chân, thiện, mỹ; nâng cao trí lực, bồi dưỡng tri thức, giáo dục kỹ năng sống; ý thức cá nhân đáp ứng yêu cầu của kinh tế tri thức, xã hội học tập và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Đánh giá việc xây dựng và phát huy lối sống “Mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người”; lối sống có ý thức tự trọng, tự chủ, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, ý thức bảo vệ môi trường; trách nhiệm cá nhân đối với bản thân, gia đình và xã hội; bảo vệ, tôn vinh cái đúng, cái tốt đẹp, tích cực, nhân rộng giá trị cao đẹp, nhân văn...

- Đánh giá kết quả giáo dục nghệ thuật, nâng cao năng lực cảm thụ thẩm mỹ cho nhân dân, đặc biệt là thanh, thiếu niên. Phát huy vai trò của văn học, nghệ thuật trong việc bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm của con người; bảo đảm quyền thụ hưởng, sáng tạo văn hóa của mỗi người dân và của cộng đồng.

- Nêu rõ kết quả việc nâng cao thể lực, tầm vóc con người Việt Nam, gắn giáo dục thể chất với giáo dục tri thức, đạo đức, kỹ năng sống, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Từ đó nêu bật kết quả việc xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập, gắn với xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

- Đánh giá công tác đấu tranh chống các quan điểm sai trái, hành vi tiêu cực ảnh hưởng xấu đến xây dựng nền văn hóa, làm tha hóa con người; giải pháp khắc phục những mặt hạn chế trong xây dựng văn hóa, con người.

## **2.2. Về xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh**

- Đánh giá toàn diện việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện xây dựng môi trường văn hóa trong cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức; gắn xây dựng môi trường văn hóa với bảo vệ môi trường sinh thái; đưa nội dung giáo dục đạo đức con người, đạo đức công dân vào các hoạt động giáo dục của xã hội.

- Phân tích, làm rõ kết quả thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam; việc phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Kết quả xây dựng gia đình văn hóa tiêu biểu, ông bà, cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo, vợ chồng hòa thuận... Xây dựng môi trường học thực sự là một trung tâm văn hóa giáo dục, rèn luyện con người về lý tưởng, phẩm chất, nhân cách, lối sống; giáo dục truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ.

- Kết quả xây dựng đời sống văn hóa ở địa bàn dân cư, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh, nhất là trong việc cưới, việc tang, lễ hội... Kết quả thực hiện các cuộc vận động, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”...

- Đánh giá kết quả các hoạt động văn hoá gắn với phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; xây dựng, hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hoá; phát huy sự chủ động của người dân với vai trò chủ thể trong các hoạt động văn hoá cộng đồng; đánh giá mức độ, khoảng cách thụ hưởng văn hóa giữa các vùng, miền; kết quả xây dựng văn hóa ứng xử lành mạnh trong xã hội; phát huy những giá trị tích cực về thuần phong mỹ tục của gia đình và xã hội.

- Kết quả thực hiện công tác tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn; việc phát huy những giá trị, nhân tố tích cực trong văn hóa tôn giáo, tín ngưỡng; các hoạt động tôn giáo gắn bó với dân tộc, nhân đạo, nhân văn, tiến bộ; các hoạt động từ thiện, nhân đạo...

### **2.3. Về xây dựng văn hoá trong chính trị và kinh tế**

- Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng; kết quả việc xây dựng văn hóa trong Đảng và hệ thống chính trị; trọng tâm là văn hóa của tổ chức và văn hóa của người cán bộ, đảng viên. Đánh giá công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức có phẩm chất, đạo đức, năng lực, trình độ, gắn bó máu thịt với Nhân dân, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân; có ý thức thượng tôn pháp luật, dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương; tự do cá nhân gắn với trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân. Tập trung phân tích nhận thức tư tưởng và thái độ chính trị đối với đường lối chủ trương của Đảng và nguyên tắc xây dựng Đảng; phẩm chất, đạo đức, lối sống của đội ngũ cán bộ, đảng viên; kết quả xếp loại cán bộ, đảng viên.

- Kết quả thực hiện các Nghị quyết, chỉ thị, văn bản của Đảng về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), Kết luận Hội nghị Trung ương 4 (khóa XIII), Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

- Đánh giá kết quả xây dựng văn hoá trong kinh tế; sự quan tâm của các cấp ủy đảng, chính quyền trong việc tạo lập môi trường văn hóa pháp lý, thị trường sản phẩm văn hóa minh bạch, tiến bộ, hiện đại để các doanh nghiệp tham gia xây dựng, phát triển văn hóa. Kết quả xây dựng văn hóa doanh nghiệp, văn hóa doanh nhân; việc triển khai thực hiện Bộ tiêu chí văn hoá kinh doanh Việt Nam; phát triển thương hiệu của doanh nghiệp trên thị trường trong và ngoài nước. Phát huy ý thức và tinh thần dân tộc, động viên toàn dân, trước hết là các doanh nghiệp, doanh nhân xây dựng và phát triển các thương hiệu Việt Nam có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế.

### **2.4. Về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động văn hoá**

- Phân tích, đánh giá nhằm làm rõ sự quan tâm, đầu tư, huy động sức mạnh toàn xã hội cho việc bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, văn hoá các dân tộc thiểu số; ủng hộ sự sáng tạo các giá trị văn hoá mới trên tinh thần tiếp thu những giá trị tinh hoa văn hóa thế giới, làm giàu văn hóa dân tộc.

- Đánh giá việc xây dựng cơ chế để giải quyết hài hòa giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử - văn hoá phục vụ giáo dục truyền thống và phát triển kinh tế; gắn kết bảo tồn, phát huy di sản văn hoá với phát triển du lịch. Việc phục hồi và bảo tồn những loại hình nghệ thuật truyền thống có nguy cơ mai một. Phát huy các di sản được UNESCO công nhận, góp phần quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam.

- Việc phát triển đi đôi với giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt; khắc phục tình trạng lạm dụng tiếng nước ngoài. Đánh giá việc giữ gìn, phát huy di sản văn hóa các

dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục, lễ hội truyền thống; các giá trị văn hóa tích cực trong tôn giáo, tín ngưỡng.

- Đánh giá việc phát huy vai trò chủ thể sáng tạo, chủ thể thụ hưởng văn hóa là Nhân dân; khuyến khích Nhân dân sáng tạo, trao truyền và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Phát triển các phong trào văn hóa sâu rộng, thực chất; cải thiện điều kiện, nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của Nhân dân.

### ***2.5. Về phát triển công nghiệp văn hoá đi đôi với xây dựng, hoàn thiện thị trường văn hoá***

- Kiểm điểm, đánh giá việc triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được xác định trong Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 1755/QĐ-TTg, ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ).

- Đánh giá, tổng hợp, phân tích việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, kỹ thuật, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm văn hoá hướng đến phát triển công nghiệp văn hoá, phát huy những tiềm năng và giá trị văn hoá Việt Nam; cơ chế khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp văn hoá, văn nghệ, thể thao, du lịch thu hút các nguồn lực xã hội để phát triển; việc xuất khẩu sản phẩm văn hoá, quảng bá sản phẩm văn hoá đến với công chúng trong và ngoài nước.

- Đánh giá kết quả đổi mới, hoàn thiện thể chế, tạo môi trường pháp lý để xây dựng, phát triển thị trường văn hóa và công nghiệp văn hóa. Hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý, cơ quan thực thi quyền tác giả và các quyền liên quan trong hoạt động văn hóa.

### ***2.6. Hội nhập quốc tế về văn hóa và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại***

- Đánh giá hoạt động hợp tác trên lĩnh vực văn hóa, việc thực hiện đa dạng các hình thức văn hóa đối ngoại, đưa quan hệ quốc tế về văn hóa đi vào chiều sâu; việc chọn lọc, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới làm phong phú thêm văn hóa dân tộc, giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc.

- Sự quan tâm, ưu đãi nhằm phát huy tài năng, tâm huyết của trí thức, văn nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài trong việc tham gia phát triển văn hóa của đất nước; quảng bá hình ảnh đất nước, văn hóa, con người Việt Nam. Việc truyền bá văn hóa Việt Nam, dạy tiếng Việt cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài ở Việt Nam. Việc xây dựng trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài và trung tâm dịch thuật, quảng bá văn hóa Việt Nam ra nước ngoài.

- Việc chủ động đón nhận cơ hội phát triển, vượt qua thách thức để giữ gìn, hoàn thiện bản sắc văn hóa dân tộc; giải pháp hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa.

- Đánh giá việc xây dựng cơ chế, chính sách phát triển văn hóa đối ngoại; hỗ trợ quảng bá nghệ thuật và xuất khẩu các sản phẩm văn hóa ra nước ngoài.

## **3. Kết quả thực hiện 4 nhóm giải pháp nêu trong Nghị quyết**

### ***3.1. Về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực văn hóa***

- Đánh giá sự chuyển biến về nhận thức của các cấp ủy đảng đối với vị trí vai trò của văn hóa, việc xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam trong thời kỳ mới; làm rõ sự quan tâm, chỉ đạo của các cấp ủy đối với nhiệm vụ xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam; công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong Đảng, hệ thống chính trị và toàn xã hội về vị trí, vai trò của sự nghiệp xây dựng, phát triển văn hóa, con người; cán bộ, đảng viên gương mẫu, vận động Nhân dân thực hiện Nghị quyết.

- Làm rõ việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, bảo đảm văn hóa, văn học, nghệ thuật và báo chí phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng và bảo đảm quyền tự do dân chủ, cá nhân trong sáng tạo; việc khắc phục tình trạng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc mất dân chủ, hạn chế tự do sáng tạo.

- Việc xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện, huy động tối đa các nguồn lực để phát triển văn hóa, xây dựng con người phát triển toàn diện; khắc phục tư tưởng “duy kinh tế”; kết quả việc thực hiện quan điểm “văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”...

- Đánh giá việc xây dựng văn hóa trong Đảng, trong hệ thống chính trị, đặc biệt là học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; sự gương mẫu của mỗi cán bộ đảng viên, công chức, viên chức.

### ***3.2. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa***

- Đánh giá công tác đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, sự bùng nổ công nghệ thông tin và truyền thông; việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa; việc hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam.

- Đánh giá kết quả điều chỉnh và hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với tính đặc thù của văn hóa, nghệ thuật; chính sách kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, xử lý mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa; chính sách văn hóa đặc thù đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

- Đánh giá công tác sắp xếp lại tổ chức bộ máy quản lý văn hóa từ Trung ương đến cơ sở; quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động của các đơn vị sự nghiệp văn hóa, các hội nghề nghiệp trong lĩnh vực văn hóa theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực văn hóa.

- Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra các hoạt động văn hóa, gắn với trách nhiệm cá nhân và tổ chức khi để xảy ra sai phạm. Phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của các tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư và công dân đối với việc tổ chức, quản lý hoạt động văn hóa.

- Đánh giá công tác đấu tranh phòng, chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng, đạo đức, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, báo chí, xuất



bản, đặc biệt trên mạng Internet; tình trạng một bộ phận báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích, sản phẩm lệch lạc.

### **3.3. Về xây dựng đội ngũ làm công tác văn hóa**

- Việc xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa, văn học, nghệ thuật, cán bộ làm công tác khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ ở cơ sở. Đánh giá kết quả công tác xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ làm công tác văn hóa, văn học, nghệ thuật.

- Sự quan tâm của cấp cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc xây dựng và phát triển các trường văn hóa, nghệ thuật; sự chuyển biến về chất lượng, quy mô đào tạo; cơ sở đào tạo đại học, trên đại học trọng điểm, đạt chuẩn khu vực và quốc tế.

- Đánh giá việc đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ văn hóa, văn học, nghệ thuật theo hướng hiện đại và hội nhập quốc tế; công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên giảng dạy các chuyên ngành văn hóa; việc đào tạo cán bộ, sinh viên chuyên ngành văn hóa, nghệ thuật, thể thao ở các nước phát triển; chính sách xây dựng đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ trong các dân tộc thiểu số; cơ chế khuyến khích đội ngũ này về địa phương công tác.

- Đánh giá chính sách phát hiện, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, tôn vinh cán bộ trong lĩnh vực văn hóa, văn học, nghệ thuật; cơ chế trọng dụng người tài, đức; chế độ tiền lương, trợ cấp những người hoạt động trong các bộ môn nghệ thuật đặc thù.

### **3.4. Về tăng cường nguồn lực cho lĩnh vực văn hóa**

- Đánh giá, phân tích mức đầu tư của Nhà nước, địa phương, đơn vị cho phát triển văn hóa so với mức tăng trưởng kinh tế; việc thực hiện quan điểm “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”; việc phân bổ, sử dụng nguồn đầu tư, có trọng tâm, trọng điểm; đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa, công trình văn hóa trọng điểm...

- Công tác xã hội hóa huy động các nguồn lực đầu tư cho phát triển văn hóa, xây dựng con người.

- Đánh giá, nêu rõ những cơ chế, chính sách ưu đãi về đất, tín dụng, thuế, phí đối với các cơ sở đào tạo và thiết chế văn hóa do khu vực tư nhân đầu tư, đặc biệt là ở các vùng khó khăn; việc thành lập và hoạt động của các quỹ đào tạo, khuyến học, phát triển nhân tài, quảng bá văn học, nghệ thuật, phát triển điện ảnh, hỗ trợ xuất bản...

- Đánh giá việc xây dựng, phát triển các thiết chế văn hóa phù hợp (thư viện, nhà văn hóa, công trình thể thao...) tại các địa phương, cơ quan, đơn vị, trường học, khu công nghiệp, doanh nghiệp, khu dân cư...

- Việc đầu tư cho công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn để nâng cao khả năng dự báo và định hướng phát triển văn hóa, xây dựng con người.

## **IV. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân**

**1. Hạn chế, yếu kém** (chỉ rõ những hạn chế, yếu kém ở từng nội dung trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết)

- Trong công tác quán triệt, tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết Nghị quyết.

- Trong triển khai thực hiện các mục tiêu và 06 nhiệm vụ của Nghị quyết.

- Trong thực hiện 4 nhóm giải pháp nêu trong Nghị quyết.

## **2. Nguyên nhân**

- Nguyên nhân khách quan

- Nguyên nhân chủ quan

## **V. Đánh giá chung và bài học kinh nghiệm**

### **1. Đánh giá chung**

### **2. Bài học kinh nghiệm**

## **VI. Nhiệm vụ, giải pháp**

### **IV. Đề xuất, kiến nghị**

- Với Tỉnh

- Với Trung ương